

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHHCN ngày / /2026  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1.	1.004947	Kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện	Thông tư số 21/2026/TT-BKHHCN	Viễn thông và Internet	Tổ chức kiểm định (Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông)
<b>B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>					
1.	2.001856	Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc “Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng”	Thông tư số 21/2026/TT-BKHHCN	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	1.004373	Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu	Thông tư số 21/2026/TT-BKHHCN	Viễn thông và Internet	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

#### 1. Kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện

Trình tự thực hiện	<p>1. Trường hợp kiểm định lần đầu đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”: trước khi đưa thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện vào khai thác sử dụng, tổ chức, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm định theo thủ tục quy định tại Điều 7 của Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT.</p> <p>- Đối với các thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được kiểm định:</p> <p>a) Trước ngày hết hạn ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định ít nhất sáu mươi (60) ngày các tổ chức, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm định lại theo thủ tục quy định tại Điều 7 của Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT.</p> <p>b) Khi có sự thay đổi thông số kỹ thuật ngoài quy định cho phép hoặc khi có thay đổi công trình xây dựng lân cận dẫn đến mất an toàn phơi nhiễm trường điện từ, Giấy chứng nhận kiểm định đối với thiết bị đó sẽ hết hiệu lực và tổ chức, doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, khắc phục những điểm chưa phù hợp và tiến hành kiểm định lại thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo thủ tục quy định tại Điều 7 của Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT.</p> <p>c) Trường hợp thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đã được kiểm định và có giới hạn an toàn ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định: khi có sự thay đổi thông số kỹ thuật trong quy định cho phép thì tổ chức, doanh nghiệp không phải kiểm định lại và phải chịu trách nhiệm đảm bảo độ an toàn của thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.</p> <p>- Kiểm định bất thường: Thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi đã khắc phục xong sự cố hoặc theo nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.</p> <p>2. Trong thời hạn <i>ba (03) ngày làm việc</i> kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ quy định, tổ chức kiểm định phải thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp bằng văn bản về việc đã tiếp nhận hồ sơ và thông báo phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (sau đây gọi tắt là phí thẩm định).</p> <p>3. Tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định cho tổ chức kiểm</p>
--------------------	---

	<p>định trong vòng <i>năm (05) ngày làm việc</i> kể từ ngày tổ chức kiểm định thông báo phí thẩm định. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không nộp phí thẩm định đúng thời hạn, tổ chức kiểm định có quyền từ chối thẩm định và thông báo bằng văn bản tới tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>4. Trong thời hạn <i>mười một (11) ngày làm việc</i>, kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định theo quy định, tổ chức kiểm định tiến hành thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định.</p> <p>5. Trường hợp có sự không phù hợp trong quá trình thẩm định, tổ chức kiểm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp nêu rõ điểm không phù hợp. Trong thời hạn <i>tám (08) ngày làm việc</i>, kể từ ngày có thông báo của tổ chức kiểm định, tổ chức, doanh nghiệp phải khắc phục những điểm không phù hợp và nộp lại hồ sơ cho tổ chức kiểm định để tiếp tục thẩm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định trong <i>năm (05) ngày làm việc</i>. Trường hợp không nộp hồ sơ khắc phục đúng thời hạn, tổ chức kiểm định có quyền từ chối tiếp tục thẩm định, không phải hoàn lại phí thẩm định và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.</i></li> <li>- <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></li> </ul>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị kiểm định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT;</p> <p>b) Kết quả đo kiểm được lập bởi đơn vị đo kiểm quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đo kiểm trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng: Kết quả đo kiểm theo mẫu tại Phụ lục số 02 Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT;</li> <li>+ Trường hợp đo kiểm đài phát thanh, đài phát hình: Kết quả đo theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT.</li> </ul> <p>c) Các tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (trong trường hợp kiểm định lần đầu).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>

Thời hạn giải quyết	11 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định theo quy định. (Trường hợp có sự không phù hợp trong quá trình thẩm định, thời hạn giải quyết được cộng thêm 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm định nhận được hồ sơ khắc phục của tổ chức, doanh nghiệp)
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức kiểm định (Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Giấy chứng nhận kiểm định đài phát thanh, đài truyền hình tại mẫu 3.3 Phụ lục số 03 Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT - Giấy chứng nhận kiểm định trạm gốc tại Mẫu 2.3 Phụ lục số 02 Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT
Phí, lệ phí (nếu có)	1.100.000 đồng/01 lần thẩm định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT - Kết quả đo kiểm theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT đối với trường hợp đo kiểm trạm gốc di động mặt đất công cộng. - Kết quả đo kiểm theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT đối với trường hợp đo kiểm đài phát thanh, truyền hình.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện. - Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Danh

	<p>mục và Quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định.</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Danh mục và Quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định.</p> <p>- Thông tư số 82/2020/TT-BTC ngày 22/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông.</p> <p>- <i>Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p>
--	--

*\*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**(TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH..(1)...**

Kính gửi: (tổ chức kiểm định)

1. Tên Tổ chức/Doanh nghiệp đề nghị kiểm định:  
Địa chỉ:  
Điện thoại: Fax:
2. Tên Tổ chức/Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ:  
Địa chỉ: Điện thoại: Fax:
3. Đề nghị kiểm định cho.. (1) (danh sách, nội dung kèm theo).
4. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: ..(2)..
5. Tài liệu kèm theo bao gồm:
  - a) Kết quả đo kiểm.
  - b) Tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng..(1)..(trong trường hợp kiểm định lần đầu).  
(Tổ chức/Doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu VT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

- (1) - Tên thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện đề nghị kiểm định.
- (2) - Tên Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

(ĐƠN VỊ ĐO KIỂM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm....

**KẾT QUẢ ĐO KIỂM  
TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG**

**1. THÔNG TIN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP:**

- Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị kiểm định:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại: .....

**2. ĐƠN VỊ ĐO KIỂM:**

- Tên Đơn vị đo kiểm: .....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại: .....

**3. THÔNG TIN TRẠM GỐC:**

- Địa điểm lắp đặt:.....
- Tọa độ: .....
- Số lượng trạm gốc:.....
- Ngày đo kiểm:.....

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ	Thông số kỹ thuật cơ bản tại thời điểm đo						
	Mã trạm gốc	Chủng loại thiết bị phát	Số máy phát, thu-phát	Tổng công suất phát từng ăng ten	Băng tần hoạt động	Số ăng ten phát	Độ cao từng ăng ten

**4. QUY CHUẨN ÁP DỤNG:**

QCVN 8:2022/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.

**5. THIẾT BỊ ĐO KIỂM:**

- Chủng loại:
- Hãng sản xuất:
- Năm sản xuất:

**6. NỘI DUNG ĐO KIỂM:**

## 6.1. Tính toán thông số trạm gốc

### 6.1.1. Bảng các thông số kỹ thuật cơ bản và kết quả tính toán theo các số liệu thực tế của trạm gốc

- Trạm gốc n của ...(Tên Doanh nghiệp)...

TT	Các thông số	Ăng ten 1	Ăng ten 2	Ăng ten N	
1	<b>Thiết bị phát sóng tần số radio</b>				
	1. Chủng loại thiết bị phát				
	2. Số máy phát, thu-phát (số sóng mang)				
	3. Tổng công suất phát từng ăng ten (dBm)				
2	<b>Ăng ten</b>				
	1. Chủng loại ăng ten				
	2. Loại ăng ten (thông thường/thông minh)				
	3. Độ tăng ích của ăng ten - G (dBi)				
	4. Băng tần hoạt động (MHz)				
	5. Độ dài mặt bức xạ của ăng ten - h (m)				
	6. Góc ngảng (Downtilt) tổng cộng của ăng ten (độ)				
	7. Góc phương vị (azimuth) của ăng ten (độ)				
	8. Độ cao ăng ten so với mặt đất <sup>(1)</sup> (m)				
	9. Độ cao cột ăng ten so với mặt đất <sup>(2)</sup> (m)				
3	<b>Tổng suy hao từ máy phát đến ăng ten</b>				
	1. Jumper	Chủng loại jumper (hoặc kích thước ngang)			
		Chiều dài jumper (m)			
		Suy hao dB/100 m (theo tài liệu kỹ thuật) dB			

		Suy hao của jumper (dB)			
2. Feeder		Chủng loại feeder (hoặc kích thước ngang)			
		Chiều dài feeder (m)			
		Suy hao dB/100 m (theo tài liệu kỹ thuật) dB			
		Suy hao feeder (dB)			
3. Connector		Tổng suy hao của các connector (dB)			
4. Thành phần khác (nếu có)					
		Tổng suy hao của các thành phần khác (dB)			
	5. Tổng suy hao L(dB)				
4	<b>Kết quả tính toán</b>				
		1. Công suất bức xạ đẳng hướng tương đương trung bình - EIRP (dBm)			
		2. Chiều dài vùng tuân thủ - D (m) <sup>(3)</sup>			
		3. Chiều rộng của vùng tuân thủ - 2D <sub>side</sub> (m) <sup>(4)</sup>			
		4. Chiều cao vùng tuân thủ - H (m)			
		5. Chiều dài/chiều rộng vùng liên quan - DRD (m) <sup>(5)</sup>			
		6. Chiều cao vùng liên quan - HRD (m)			
		7. Chiều cao vùng liên quan hướng về phía góc ngắng của ăng ten - H <sub>b</sub> (m) <sup>(6)</sup>			
- Trạm gốc (n+1) của ...(Tên Doanh nghiệp)...					

TT	Các thông số	Ăng ten 1	Ăng ten 2	Ăng ten N
----	--------------	-----------	-----------	-----------

1	<b>Thiết bị phát sóng tần số radio</b>			
	4. Chủng loại thiết bị phát			
	5. Số máy phát, thu-phát (số sóng mang)			
	6. Tổng công suất phát từng ăng ten (dBm)			
2	<b>Ăng ten</b>			
	10. Chủng loại ăng ten			
	11. Loại ăng ten (thông thường/thông minh)			
	12. Độ tăng ích của ăng ten - G (dBi)			
	13. Băng tần hoạt động (MHz)			
	14. Độ dài mặt bức xạ của ăng ten - h (m)			
	15. Góc ngả (Downtilt) tổng cộng của ăng ten (độ)			
	16. Góc phương vị (azimuth) của ăng ten (độ)			
	17. Độ cao ăng ten so với mặt đất <sup>(1)</sup> (m)			
	18. Độ cao cột ăng ten so với mặt đất <sup>(2)</sup> (m)			
3	<b>Tổng suy hao từ máy phát đến ăng ten</b>			
2. Jumper	Chủng loại jumper (hoặc kích thước ngang)			
	Chiều dài jumper (m)			
	Suy hao dB/100 m (theo tài liệu kỹ thuật) dB			
	Suy hao của jumper (dB)			
2. Feeder	Chủng loại feeder (hoặc kích thước ngang)			
	Chiều dài feeder (m)			
	Suy hao dB/100 m (theo tài liệu kỹ thuật) dB			
	Suy hao feeder (dB)			
3. Connector	Tổng suy hao của các connector (dB)			
4. Thành phần khác (nếu có)				

	Tổng suy hao của các thành phần khác (dB)			
	5. Tổng suy hao L(dB)			
4	<b>Kết quả tính toán</b>			
	8. Công suất bức xạ đẳng hướng tương đương trung bình - EIRP (dBm)			
	9. Chiều dài vùng tuân thủ - D (m) <sup>(3)</sup>			
	10. Chiều rộng của vùng tuân thủ - 2D <sub>side</sub> (m) <sup>(4)</sup>			
	11. Chiều cao vùng tuân thủ - H (m)			
	12. Chiều dài/chiều rộng vùng liên quan - D <sub>RD</sub> (m) <sup>(5)</sup>			
	13. Chiều cao vùng liên quan - H <sub>RD</sub> (m)			
	14. Chiều cao vùng liên quan hướng về phía góc ngả của ăng ten - H <sub>b</sub> (m) <sup>(6)</sup>			

**Ghi chú:**

(1) Độ cao tính từ mặt đất tới mép thấp nhất của ăng ten.

(2) Độ cao tính từ mặt đất tới đỉnh cột ăng ten.

(3) áp dụng đối với ăng ten định hướng, nếu là ăng ten đẳng hướng theo phương nằm ngang thì ghi là bán kính vùng tuân thủ.

(4) áp dụng đối với ăng ten định hướng, nếu là ăng ten đẳng hướng theo phương nằm ngang thì bỏ trống.

(5) áp dụng đối với ăng ten định hướng, nếu là ăng ten đẳng hướng theo phương nằm ngang thì ghi là bán kính vùng liên quan).

(6) áp dụng đối với ăng ten định hướng, nếu là ăng ten đẳng hướng theo phương nằm ngang thì bỏ trống).

**6.1.2. Xác định người dân có thể tiếp cận đến vùng tuân thủ, vùng liên quan không**

Người dân có thể tiếp cận đến vùng tuân thủ không?

Có:

Không:

Người dân có thể tiếp cận đến vùng liên quan không?

Có:

Không:

**6.1.3. Các thông số kỹ thuật giả định để tính toán xác định giới hạn an toàn (áp dụng với trạm gốc có công suất phát nhỏ hơn hoặc bằng 150 W):**

Góc ngả tổng cộng của ăng ten: 12°

Công suất giả định tính bằng công suất phát tối đa có thể của thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện.

Đường kính của vùng liên quan giả định: 100 m.

Chiều cao của vùng liên quan giả định (bằng chiều cao của vùng liên quan của ăng ten thấp nhất trên cột ăng ten:

Vùng liên quan giả định quay một vòng tròn quanh cột ăng ten có giao cắt vùng thâm nhập?

Có:

Không:

## 6.2. Kết quả đo phơi nhiễm (nếu có):

Lớp đo	TT	Điểm đo	Kết quả đo (V/m hoặc W/m <sup>2</sup> hoặc A/m)		
			Vị trí đo 1,1m	Vị trí đo 1,5m	Vị trí đo 1,7m
Lớp 1	1.	p1			
	2.	p2			
		...			
Lớp 2	1.	p9			
	2.	p10			
		...			
	...	...			

## 6.3. Bản vẽ và ảnh chụp

- Ảnh chụp địa điểm lắp đặt trạm gốc: chụp ảnh khung cảnh nhà trạm và ảnh chụp cột ăng ten (thể hiện rõ số ăng ten lắp đặt trên cột ăng ten).

- Bản vẽ tổng thể nhìn từ trên xuống (phương nằm ngang).

- Bản vẽ riêng cho từng ăng ten theo phương thẳng đứng.

- Bản vẽ riêng thể hiện vùng đo nhìn từ trên xuống (phương nằm ngang): chỉ áp dụng trong trường hợp có điểm đo.

- Bản vẽ riêng thể hiện vùng liên quan giả định quay một vòng tròn quanh cột ăng ten: chỉ áp dụng trong trường hợp cột ăng ten không lắp đặt trên những công trình xây dựng có sẵn.

## 6.4. Độ cao công trình xây dựng (nếu có)

Độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng (trong đó có người sinh sống, làm việc) trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc là ...m.

## 7. KẾT LUẬN

Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng phù hợp quy chuẩn:

- Giới hạn an toàn:

Không.

Có. Giới hạn an toàn: từ độ cao ... m so với mặt đất trở lên, trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng không phải kiểm định lại khi có thay đổi một số thông số kỹ thuật theo quy định.

Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng không phù hợp quy chuẩn QCVN 8:2022/BTTTT.

**ĐƠN VỊ ĐO KIỂM**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)/Ký số

(TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG**  
Số: .....  
(TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)  
CHỨNG NHẬN

TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG					
Địa điểm lắp đặt:					
Mã trạm gốc:					
Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ:					
Thông số kỹ thuật cơ bản tại thời điểm đo kiểm định					
Chủng loại thiết bị phát	Số máy phát, thu-phát	Tổng công suất phát từng ăng ten	Băng tần hoạt động	Số ăng ten phát	Độ cao mép dưới từng ăng ten

Được kiểm định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 8:2022/BTTTT

- .....(1).....

Giới hạn an toàn: từ độ cao ... m so với mặt đất trở lên, trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng không phải kiểm định lại khi có thay đổi một số thông số kỹ thuật theo quy định <sup>(2)</sup>.

Nơi cấp:  
Ngày cấp:  
Có giá trị đến:  
Ghi chú:

Ngày tháng năm  
(ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)/Ký số

(1)- Trường hợp trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc mà không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc thì ghi là: Trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc.

- Trường hợp trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc mà có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có độ cao mép dưới thấp nhất của ăng ten thấp nhất cao hơn/thấp hơn độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng thì ghi là: Trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào

thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có độ cao mép dưới thấp nhất của các ăng ten cao hơn/thấp hơn độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng này là (ghi rõ chênh lệch độ cao thực tế tính được).. m.

- Trường hợp trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc mà có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có độ cao mép dưới thấp nhất của các ăng ten bằng độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng thì ghi là: Trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột ăng ten của trạm gốc có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có độ cao mép dưới thấp nhất của các ăng ten bằng độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng

(2) - Chỉ ghi thông tin này trong trường hợp trạm gốc có giới hạn an toàn.

Thông tin về trạm gốc của doanh nghiệp khác lắp đặt tại cùng vị trí<sup>(3)</sup>

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ	Mã trạm gốc	Thông số kỹ thuật Cơ bản tại thời điểm đo kiểm định				
		Số máy phát, thu- phát	Tổng công suất phát từng ăng ten	Băng tần hoạt động	Số ăng ten phát	Độ cao mép dưới từng ăng ten

(3)- Chỉ ghi các thông tin này trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị kiểm định cho các trạm gốc của doanh nghiệp khác lắp đặt tại cùng vị trí

(ĐƠN VỊ ĐO KIỂM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng .... năm .....

**KẾT QUẢ ĐO KIỂM  
ĐÀI PHÁT THANH, ĐÀI TRUYỀN HÌNH**

**1. THÔNG TIN TỔ CHỨC/ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH:**

- Tên: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại:..... Fax: .....

**2. THÔNG TIN TỔ CHỨC/ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ:**

- Tên: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại:..... Fax: .....

**3. ĐƠN VỊ ĐO KIỂM:**

- Tên đơn vị đo kiểm: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại:..... Fax: .....

**4. THÔNG TIN ĐÀI PHÁT THANH, ĐÀI TRUYỀN HÌNH:**

- Địa điểm lắp đặt: .....
- Tọa độ: .....
- Ngày đo kiểm: .....
- Thông số kỹ thuật tại thời điểm đo kiểm:

Tổ chức/ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Tên đài	Tần số hoạt động	Ký hiệu máy phát	Độ cao từng ăng ten	Tổng công suất phát

**5. QUY CHUẨN ÁP DỤNG:**

QCVN 78: 2014/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các đài phát thanh, truyền hình.

**6. THIẾT BỊ ĐO KIỂM:**

- Chung loại:
- Hãng sản xuất:
- Năm sản xuất:

**7. NỘI DUNG ĐO KIỂM:**

**6.1. Tính toán thông số đài phát thanh, đài truyền hình**

**6.1.1. Bảng các thông số kỹ thuật cơ bản và kết quả tính toán theo các số liệu thực tế của đài phát thanh, đài truyền hình**

**1. Đài phát thanh, đài truyền hình thứ ... của ... (Tổ chức/ Doanh nghiệp)**

- Tên đài:

- Thông số kỹ thuật và kết quả tính toán:

TT	Nội dung	Kênh thứ 1		Kênh thứ 2		Kênh thứ n	
		Kênh...	Tần số ...	Kênh...	Tần số ...	Kênh...	Tần số ...
1	<b>Máy phát</b>						
	Ký hiệu (Model)						
	Nhà sản xuất						
	Công suất [W hoặc kW]						
2	<b>Anten</b>						
	Ký hiệu (Model)						
	Nhà sản xuất						
	Chiều dài mặt bức xạ [m]						
	Góc ngảng (điện + cơ) [độ]						
	Góc mở búp sóng [độ]						
	Tăng ích [dBi hoặc dBd]						
	Chiều cao cột anten[m]						
	Loại cột anten						
Độ cao anten (Tính từ mặt đất đến mép dưới ăng ten) [m]							
3	<b>Feeder/ Ống dẫn sóng</b>						
	Chủng loại hoặc Ký hiệu hoặc kích thước ngang						
	Chiều dài [m]						
	Suy hao [dB/100m] (theo tài liệu kỹ thuật)						
	Suy hao feeder/Ống dẫn sóng [dB]						
4	<b>Jumper</b>						
	Chủng loại hoặc Ký hiệu hoặc kích thước ngang						
	Chiều dài [m]						
	Suy hao [dB/100m]						

	Suy hao jumper [dB]			
5	<b>Connector</b>			
	Suy hao connector [dB]			
6	<b>Suy hao của các thành phần khác (nếu có)</b>			
7	<b>Kết quả tính toán</b>			
	Tổng suy hao			
	Công suất bức xạ đẳng hướng tương đương PEIRP [dBm]			
	Đường kính vùng tuấn thủ - $D_{tt}$ [m]			
	Chiều cao vùng tuấn thủ - $H_{tt}$ [m]			
	Đường kính vùng liên quan - $D_{lq}$ [m]			
	Chiều cao vùng liên quan - $H_{lq}$ [m]			

## 2. Đài phát thanh, đài truyền hình thứ ... của ... (Tổ chức/ Doanh nghiệp)

- Tên đài:

- Thông số kỹ thuật và kết quả tính toán:

TT	Nội dung	Kênh thứ 1		Kênh thứ 2		Kênh thứ n	
		Kênh...	Tần số...	Kênh...	Tần số...	Kênh...	Tần số...
1	<b>Máy phát</b>						
	Ký hiệu (Model)						
	Nhà sản xuất						
	Công suất [W hoặc kW]						
2	<b>Anten</b>						
	Ký hiệu (Model)						
	Nhà sản xuất						
	Chiều dài mặt bức xạ [m]						
	Góc ngảng (điện + cơ) [độ]						
	Góc mở búp sóng [độ]						

	Tăng ích [dBi hoặc dBd]			
	Chiều cao cột anten [m]			
	Loại cột anten			
	Độ cao anten (Tính từ mặt đất đến mép dưới ăng ten) [m]			
3	<b>Feeder/ Ống dẫn sóng</b>			
	Chủng loại hoặc Ký hiệu hoặc kích thước ngang			
	Chiều dài [m]			
	Suy hao [dB/100m]			
	Suy hao feeder/Ống dẫn sóng [dB]			
4	<b>Jumper</b>			
	Chủng loại hoặc Ký hiệu hoặc kích thước ngang			
	Chiều dài [m]			
	Suy hao [dB/100m]			
	Suy hao jumper [dB]			
5	<b>Connector</b>			
	Suy hao connector [dB]			
6	<b>Suy hao của các thành phần khác (nếu có)</b>			
7	<b>Kết quả tính toán</b>			
	Tổng suy hao			
	Công suất bức xạ đẳng hướng tương đương $P_{EIRP}$ [dBm]			
	Đường kính vùng tuân thủ - $D_{tt}$ [m]			
	Chiều cao vùng tuân thủ - $H_{tt}$ [m]			
	Đường kính vùng liên quan - $D_{lq}$ [m]			
	Chiều cao vùng liên quan - $H_{lq}$ [m]			

### 6.1.2. Xác định người dân có thể tiếp cận đến vùng tuân thủ, vùng liên quan không

- Người dân có thể tiếp cận đến vùng tuân thủ không?

Có:

Không:

- Người dân có thể tiếp cận đến vùng liên quan không?

Có:

Không:

### 6.2. Kết quả đo phơi nhiễm (nếu có):

Lớp đo	TT	Điểm đo	Kết quả đo (V/m hoặc W/m <sup>2</sup> hoặc A/m)			Đánh giá
			Vị trí đo 1,1m	Vị trí đo 1,5m	Vị trí đo 1,7m	
Lớp 1	3.	P1				
	4.	P2				
	...	...				
Lớp 2	5.	P9				
	6.	P10				
	...	...				
...	...	...				

### 6.3. Bản vẽ và ảnh chụp

- Ảnh chụp địa điểm lắp đặt đài phát thanh, đài truyền hình: chụp ảnh khung cảnh nhà đài và ảnh chụp cột anten (thể hiện rõ số anten lắp đặt trên cột anten).

- Bản vẽ tổng thể nhìn từ trên xuống (phương nằm ngang);

- Bản vẽ riêng cho từng panel theo phương thẳng đứng;

- Bản vẽ riêng thể hiện vùng đo nhìn từ trên xuống (phương nằm ngang): chỉ áp dụng trong trường hợp có điểm đo;

- Bản vẽ vùng đo, điểm đo (nếu có).

### 7. KẾT LUẬN

Đài phát thanh, đài truyền hình phù hợp quy chuẩn QCVN 78:2014/BTTTT

Đài phát thanh, đài truyền hình không phù hợp quy chuẩn QCVN 78:2014/BTTTT

**ĐƠN VỊ ĐO KIỂM**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH ĐÀI PHÁT THANH, ĐÀI TRUYỀN HÌNH

Số: .....

(TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)  
CHỨNG NHẬN

Địa điểm lắp đặt: .....

Thông số kỹ thuật tại thời điểm kiểm định:

Tổ chức/ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Tên đài	Tần số hoạt động	Ký hiệu máy phát	Độ cao từng ăng ten	Tổng công suất phát

Được kiểm định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 78:2014/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các đài phát thanh, truyền hình.

*Đài phát thanh, đài truyền hình này có mức an toàn phơi nhiễm trường điện từ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật trên.*

Nơi cấp :  
Ngày cấp :  
Có giá trị đến :

Ngày ... tháng ... năm ....  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### 1. Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc “Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng”

Trình tự thực hiện	<p>1. Đối với dịch vụ viễn thông thuộc “Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng”, doanh nghiệp viễn thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành thủ tục công bố chất lượng dịch vụ viễn thông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày doanh nghiệp viễn thông bắt đầu cung cấp dịch vụ.</li> <li>- Thực hiện lại và hoàn thành thủ tục công bố chất lượng dịch vụ viễn thông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mà Bộ Khoa học và Công nghệ thay đổi có hiệu lực thi hành hoặc doanh nghiệp viễn thông có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung công bố.</li> </ul> <p>2. Doanh nghiệp viễn thông nộp hồ sơ công bố chất lượng dịch vụ viễn thông trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p> <p>Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trường hợp hồ sơ được chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp cho doanh nghiệp “Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ viễn thông”; đồng thời gửi Cục Viễn thông một bản sao bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ viễn thông để phối hợp trong công tác quản lý.</li> <li>b) Trường hợp hồ sơ không được chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời doanh nghiệp viễn thông và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p>3. Sau khi được cấp “Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ viễn thông”, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng tải “Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông” trên website của doanh nghiệp theo quy định.</li> <li>- Niêm yết “Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông” tại nơi dễ nhìn thấy và dễ dàng đọc được tại tất cả các điểm giao dịch có thực hiện việc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng và các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông.</li> </ul>
--------------------	--

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN.</i> - Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN.</i> 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ viễn thông <i>theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo của Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Công văn về việc công bố chất lượng dịch vụ viễn thông - <i>Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN.</i> - Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông - <i>Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 33/2020/TT-BTTTT ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền

	<p>thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông</p> <p>- <i>Thông tư số 21/2026/TT-BKHHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p>
--	---

*\*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG  
Số:**

**(TÊN DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP  
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG)**

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: .....

**CÔNG BỐ**

Chất lượng dịch vụ: .....(tên dịch vụ viễn thông) .....

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng: ...(số hiệu, ký hiệu và tên quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng) .....

với các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ (tên dịch vụ viễn thông ..... ) như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng (số hiệu, ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng)	Mức công bố
1			
2			
...			

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Số: \_\_\_\_\_

Mẫu số 02  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_\_

**BẢN TIẾP NHẬN**  
**CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

.....(tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận)..... đã tiếp nhận Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông số .... của ... (tên, địa chỉ doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông).

Công bố chất lượng dịch vụ: ..... (tên dịch vụ viễn thông) . . . . .

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng: (số hiệu, ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn áp dụng).

Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ viễn thông này không có giá trị chứng nhận rằng dịch vụ viễn thông do doanh nghiệp cung cấp phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật mà doanh nghiệp đã công bố. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn chất lượng của dịch viễn thông do mình cung cấp.

**Nơi nhận:**

- (doanh nghiệp);
- Lưu: ....

....., ngày .....tháng .....năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(TÊN DOANH NGHIỆP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v Công bố chất lượng dịch vụ  
viễn thông

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

1. Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

2. Tên đơn vị đầu mối về chất lượng dịch vụ viễn thông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

3. Công bố chất lượng:

Dịch vụ: ... (tên dịch vụ viễn thông) ...

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: ... (số hiệu, ký hiệu và tên quy chuẩn kỹ thuật áp dụng)

4. Tài liệu kèm theo:

Bản công bố chất lượng dịch vụ viễn thông số ... ngày... tháng ... năm...

5. Doanh nghiệp cam kết:

a) Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông;

b) Đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông như mức công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

## 2. Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu

Trình tự thực hiện	<p>1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp viễn thông được xác định là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp phải xây dựng, gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu theo hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p> <p>Các doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu có thể tự xây dựng, ban hành Thỏa thuận kết nối mẫu, không cần đăng ký với cơ quan nhà nước, trên cơ sở tuân thủ theo các quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BTTTT để áp dụng chung với các doanh nghiệp viễn thông.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thông báo bằng văn bản việc chấp thuận hay không chấp thuận (nêu rõ các lý do không chấp thuận) Thỏa thuận kết nối mẫu của doanh nghiệp trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ.</p> <p>3. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận Thỏa thuận kết nối mẫu bằng văn bản, doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu có trách nhiệm ban hành và công bố công khai Thỏa thuận kết nối mẫu để áp dụng thống nhất, không phân biệt đối với tất cả các doanh nghiệp yêu cầu kết nối.</p> <p>4. Khi cần bổ sung, sửa đổi Thỏa thuận kết nối mẫu doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu thực hiện việc đăng ký lại Thỏa thuận kết nối mẫu như đăng ký lần đầu theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư 07/2015/TT-BTTTT.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</li> </ul>
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu có dấu và chữ ký của người đại diện theo quy định pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 21/2026/TT-BKHCN;</li> </ul>

	<p>- Thỏa thuận kết nối mẫu;</p> <p>- Tài liệu kinh tế, kỹ thuật có liên quan đến các nội dung trong Thỏa thuận kết nối mẫu (nếu có).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông được xác định là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Thông báo bằng văn bản việc chấp thuận hay không chấp thuận Thỏa thuận kết nối mẫu của doanh nghiệp
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Đơn đề nghị đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 21/2026/TT-BKHHCN</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<p><i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ không chấp thuận Thỏa thuận kết nối mẫu trong trường hợp sau đây:</i></p> <p>a) Thỏa thuận kết nối mẫu vi phạm các quy định về kinh tế, kỹ thuật tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư 07/2015/TT-BTTTT, các quy định của pháp luật về viễn thông và các quy định pháp luật có liên quan khác;</p> <p>b) Thỏa thuận kết nối mẫu có nội dung gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp viễn thông khác hoặc người sử dụng dịch vụ viễn thông.</p>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<p>- Luật Viễn thông năm 2023.</p> <p>- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.</p> <p>- Thông tư số 07/2015/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về kết nối viễn thông.</p> <p>- <i>Thông tư số 21/2026/TT-BKHHCN ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i></p>

*\*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-----

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THỎA THUẬN KẾT NỐI MẪU**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .....

- Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;
- Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Viễn thông;
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTTTT ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về kết nối viễn thông (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2021/TT-BTTTT)
- Căn cứ Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(Tên doanh nghiệp) đề nghị đăng ký Thỏa thuận kết nối mẫu như sau:

**Phần 1. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (*tên ghi trên Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, ghi bằng chữ in hoa*) .....
2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
3. Địa chỉ trụ sở chính: (*địa chỉ ghi trên Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông*) ....
4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website.....

**Phần 2. Nội dung đề nghị:**

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận bản Thỏa thuận kết nối mẫu của doanh nghiệp.

**Phần 3. Tài liệu kèm theo**

1. Thỏa thuận kết nối mẫu.
2. Các tài liệu kinh tế, kỹ thuật khác (liệt kê tên từng tài liệu nếu có).

**Phần 4. Cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.
- Công bố công khai bản Thỏa thuận kết nối mẫu sau khi được chấp thuận.

**Nơi nhận:**- Như trên;  
.....**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)**Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)*